

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 538 /QĐ-CDYTHN ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội)

Ngành đào tạo : Hộ sinh
Mã Ngành : 6720303
Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Hà Nội, 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDYTHN ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội)

Ngành, nghề	: Hộ sinh
Mã ngành, nghề	: 6720303
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp Trung học phổ thông
Thời gian khóa học	: 3 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Hộ sinh trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện các công việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai, thực hiện đỡ đẻ an toàn; tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ ở mọi lứa tuổi; khám một số tình trạng bệnh lý phụ khoa thông thường; tư vấn và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn và thực hiện phá thai an toàn với tuổi thai dưới 7 tuần; chăm sóc sức khỏe trẻ em; tiêm chủng mở rộng..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Công việc của nghề hộ sinh được thực hiện chủ yếu ở các bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi; khoa Sản các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, bệnh viện tuyến huyện; trung tâm y tế tuyến huyện; các trạm y tế xã, phường và cộng đồng. Cường độ làm việc của người hộ sinh tương đối cao, đòi hỏi sự tập trung và tinh thần trách nhiệm cao để đạt được sự hài lòng của người bệnh. Để đảm bảo công việc của nghề hộ sinh được tốt thì cần có môi trường làm việc đầy đủ cơ sở vật chất, dụng cụ bảo hộ lao động, trang thiết bị y tế và các nội quy, quy định nơi làm việc của hộ sinh.

Để hành nghề, người hộ sinh cần có sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên môn nghề đáp ứng với vị trí việc làm. Ngoài ra, người hộ sinh phải có lương tâm và trách nhiệm cao, hết lòng yêu nghề, luôn rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức của người thầy thuốc.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người hộ sinh trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề Hộ sinh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình Hộ sinh cao đẳng nhằm đào tạo người Hộ sinh có khả năng cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe an toàn và hiệu quả cho phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi. Được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tâm huyết với nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp trong khuôn khổ quy định của luật pháp và các chính sách của Nhà nước, người Hộ sinh sẽ đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em một cách toàn diện về thể chất, tâm, sinh lý và xã hội. Đồng thời, người Hộ sinh luôn có ý thức học hỏi, chủ động phát triển nghề nghiệp cho bản thân mình, đảm bảo thực hành chuyên môn an toàn, hiệu quả.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cung cấp cho người học:

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, quy định về Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;

- Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh;

- Giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Trình bày được kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

- Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng.

- Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng. Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời;

- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh;

- Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc;

- Khám và nhận định tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng;

- Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ;

- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để phối hợp bác sĩ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn;

- Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế;

- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc sức khỏe sinh sản, phụ nữ phá thai và kế hoạch hóa gia đình.
- Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén;
- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ;
- Chăm sóc bà mẹ sau sinh;
- Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Số lượng môn học, mô đun: 30
- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 96 tín chỉ (2550 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 19 tín chỉ (435 giờ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 77 tín chỉ (2115 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 776 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1774 giờ.

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Hiểu biết về chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh
2	NLCB-02	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề
3	NLCB-03	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề
4	NLCB-04	Khả năng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc

5	NLCB-05	Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh
6	NLCB-06	Thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng
7	NLCB-07	Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế
8	NLCB-08	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi
9	NLCB-09	Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế
10	NLCB-10	Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
11	NLCB-11	Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng
2	NLCL-02	Chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời
3	NLCL-03	Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh
4	NLCL-04	Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc
5	NLCL-05	Khám và nhận định tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng
6	NLCL-06	Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ
7	NLCL-07	Thực hiện sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để phối hợp bác sĩ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC-01	Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản
2	NLNC-02	Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và

		người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án
3	NLNC-03	Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh mắc một số bệnh lây truyền qua đường tình dục

6. Nội dung chương trình

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học / mô đun	Thời gian học tập (tín chỉ)		Thời gian học tập (giờ)							
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thực tập lâm sàng		Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Thực tập lâm sàng	Kiểm tra LT	Kiểm tra TH
	I	Các môn học chung	19	10	9	0	435	157	255	0	19	4
1	MHCH01	Giáo dục chính trị	5	3	2	0	75	41	29	0	5	0
2	MHCH02	Tin học	3	1	2	0	75	15	58	0	1	1
3	MHCH03A	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1)	2	1	1	0	60	21	36	0	3	0
4	MHCH04A	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2)	2	1	1	0	60	21	36	0	3	0
5	MHCH05	Pháp luật	2	2	0	0	30	18	10	0	2	0
6	MHCH06	Giáo dục thể chất	2	0	2	0	60	5	51	0	1	3
7	MHCH07	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	2	1	0	75	36	35	0	4	0
	II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	77	40	10	27	2115	571	285	1195	29	35
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	20	17	3	0	345	243	86	0	12	4
8	MHCS01.24	Cấu tạo và chức năng của cơ thể	5	4	1	0	90	59	28	0	1	2

9	MHCS02.24	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	3	3	0	0	45	43	0	0	2	0
10	MHCS03.24	Pháp luật y tế và đạo đức nghề nghiệp	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
11	MHCS04.24	Sức khỏe môi trường và dịch tễ học	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
12	MHCS05.24	Tâm lý - Giao tiếp – GD SK	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
13	MHCS06.24	Nghiên cứu khoa học	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
14	MĐHS01.24	Điều dưỡng cơ sở	4	2	2	0	90	29	58	0	1	2
	II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	55	21	7	27	1740	300	199	1195	15	31
15	MHHS02.24	Đại cương hộ sinh	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
16	MĐHS03.24	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	3	2	1	0	60	29	28	0	1	2
17	MĐHS04.24	Thực hành phụ khoa	3	0	0	3	135	0	0	132	0	3
18	MĐHS05.24	Chăm sóc thai nghén	6	2	1	3	195	29	28	133	1	4
19	MĐHS06.24	Chăm sóc chuyển dạ	4	2	2	0	90	29	58	0	1	2
20	MĐHS07.24	Thực hành Chăm sóc chuyển dạ	4	0	0	4	180	0	0	177	0	3
21	MĐHS08.24	Chăm sóc chuyển dạ dễ khó	5	2	1	2	150	29	28	88	1	4
22	MĐHS09.24	Chăm sóc sau đẻ	6	2	1	3	195	29	28	133	1	4
23	MĐHS10.24	Chăm sóc sơ sinh	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
24	MĐHS11.24	Chăm sóc trẻ dưới 05 tuổi	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1

25	MĐHS12.24	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	3	1	0	2	105	14	0	89	1	1
26	MHHS13.24	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
27	MĐHS14.24	Phá thai an toàn và toàn diện	2	1	1	0	45	14	29	0	1	1
28	MĐHS15.24	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	5	3	0	2	135	43	0	88	2	2
29	MĐHS16.24	Thực tế nghề nghiệp	4	0	0	4	180	0	0	177	0	3
	II.3	Môn học, mô đun tự chọn (chọn 1 trong 5 môn học)	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
30	MHHS17A.24	Phục hồi chức năng trong hộ sinh	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
31	MHHS17B.24	Y học cổ truyền trong hộ sinh	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
32	MHHS17C.24	Chăm sóc dinh dưỡng trong hộ sinh	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
33	MHHS17D.24	Chăm sóc sức khỏe gia đình	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
34	MHHS17E.24	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	2	0	0	30	28	0	0	2	0
		Tổng	96	50	19	27	2550	728	540	1195	48	39

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội:

7.1.1. Môn Anh văn thực hiện theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.1.2. Môn Tin học thực hiện theo thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

7.1.3. Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo thông tư số 12/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

7.1.4. Môn học Pháp luật thực hiện theo thông tư số 13/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

7.1.5. Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

7.1.6. Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

7.2. Tổ chức đào tạo: Tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun và tín chỉ theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022

7.3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung hoạt động ngoại khoá: căn cứ điều kiện cụ thể, khả năng của trường, kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khoá học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng sẽ có quyết định ban hành vào đầu mỗi khoá học.

7.4. Tổ chức thi/ kiểm tra hết môn học/ mô đun: Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022 và được cụ thể hoá trong nội dung chi giờ từng môn học và quy chế đào tạo.

7.5. Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp: Áp dụng Quy định xét công nhận tốt nghiệp theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ngày 30/3/2022, cụ thể:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun/ tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng sẽ căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc

công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.

- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng danh hiệu cử nhân thực hành ngành Hộ sinh (bằng bậc 5 trong khung trình độ quốc gia).

7.6. Các phương pháp dạy – học chính: tất cả các môn học cần được giảng dạy bằng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thảo luận ca lâm sàng, giải quyết vấn đề, bài tập nhóm, bài tập lớn, thực hành dựa vào bằng chứng

7.7. Điều kiện thực hiện chương trình:

- Tổ chức học lý thuyết tại giảng đường hoặc tổ chức học trực tuyến: có đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, máy tính. Đối với tổ chức học trực tuyến: có phần mềm, tài khoản, máy tính và các điều kiện khác để tổ chức học trực tuyến.

- Tổ chức học thực hành tại phòng thực hành có đủ trang thiết bị, mô hình thực hành theo yêu cầu của từng môn học.

- Tổ chức thực địa tại các cơ sở y tế đã công bố đủ điều kiện là cơ sở đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe, có ký hợp đồng nguyên tắc theo nghị định 111/2017/NĐ-CP về việc phối hợp đào tạo thực hành giữa cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

- Giảng viên đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và có đủ kinh nghiệm giảng dạy.